

**TOA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2018/DSPT

Ngày: 08 – 01 - 2018

V/v: “tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

Ông Triệu Quốc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLPT-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2017/DS - ST, ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348 2017/QĐ-PT ngày 22/12/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Mười L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Mười L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/08/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá

trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Kim Ctrình bày:

Bà C có làm đầu thảo hội trong đó ông L có tham gia và thiếu tiền hội của bà cụ thể như sau:

- Dây hội số 1 mở ngày 20/10/2009 đã mãn ngày 20/02/2015 loại hội tiền giá trị 1.000.000đ, bốn tháng khai một kỳ, tổng cộng có 17 hội viên, ông Mười L tham gia một phần, vào kỳ hội thứ 13 thì ông Mười L trúng hội hốt với số tiền là 11.300.00đ. Bà C giao cho vợ ông Mười L là bà Phan Thị T nhận số tiền là 5.650.000đ, bà C không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà C đã giao tiền cho bà T nhận, nên bà C thừa nhận còn nợ ông Mười L số tiền hội là 11.300.000đ và ông Mười L còn nợ lại bà C 4 kỳ hội chết số tiền là 4.000.000đ.

- Dây hội số 2 mở ngày 20/02/2009 đã mãn ngày 20/06/2016 loại hội tiền giá trị 2.000.000đ, bốn tháng khai một kỳ, có 17 phần hội, hoa hồng đầu thảo hưởng 600.000đ/ lần khai hội, ông Mười L tham gia một phần. Vào kỳ khai hội thứ 5 thì ông Mười L trúng hội số tiền thực nhận là 20.480.000đ. Ông Mười L còn nợ lại 8 kỳ hội chết với số tiền là 16.000.000đ.

- Trong 2 dây hội nêu trên bà C phải xuất tiền để bù vào trả cho các hội viên khác thay cho ông Mười L trong các kỳ hội là 20.000.000đ.

- Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười L trả cho bà C số tiền 20.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 10/04/2017 và quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn Mười L trình bày:

Ông Mười L không thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà C, ông Mười L nhận có tham gia 2 dây hội mùa do bà C làm đầu thảo cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000đ, kỳ khai thứ 13 ông Mười L trúng hội, trừ tiền huê hồng đầu thảo ông Mười L được nhận số tiền hội bằng 11.300.000đ nhưng bà C không giao tiền hội cho ông nên ông Mười L không có nghĩa vụ phải đóng cho bà C 4 kỳ góp hội.

Dây hội thứ 2: Hội 2.000.000đ ông Mười L thừa nhận còn nợ bà C 8 kỳ góp hội bằng 16.000.000đ.

Trong hai dây hội để bù trừ nghĩa vụ cho nhau có dây hội thứ nhất ông Mười L có trả cho 4 hội viên còn lại mỗi người nhận 100.000đ nên ông không có nợ 4 lần góp hội của dây hội thứ nhất.

Nay ông Mười L thừa nhận còn nợ bà C tổng số tiền hội là 16.000.000đ – 11.300.000đ = 4.700.000đ. Ông Mười L đồng ý trả cho bà C số tiền 4.700.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện D đã xử.

Căn cứ vào Điều 471, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, các Điều 29 và 30 Nghị định số 144/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu phườg, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim C. Buộc ông Nguyễn Văn Mười L có nghĩa vụ trả lại cho bà Trương Thị Kim C số tiền nợ hụi là 20.000.000đ.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Mười L. Buộc bà Trương Thị Kim C có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Mười L số tiền nợ hụi là 11.300.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn Mười L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim C đòi ông trả số tiền hụi 20.000.000đ. Ông chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền hụi là 4.700.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn Mười L và bà Trương Thị Kim C đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau: Bà Trương Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười L trả cho bà 16.000.000đ, bà C đồng ý trả cho ông Mười L 11.300.000đ. Ông Nguyễn Văn Mười L đồng ý trả cho bà C 16.000.000đ và ông Nguyễn Văn Mười L yêu cầu bà C trả cho ông số tiền là 11.300.000đ.

Về án phí: Bà C và ông Mười L đồng ý nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Mười L yêu cầu bà C trả cho ông Mười L số tiền ông hốt ở đây hội thứ nhất chưa giao là 11.300.000đ và ông đồng ý trả cho bà C 16.000.000đ còn nợ của đây hội thứ hai. Bà C đồng ý trả cho ông Mười L 11.300.000đ và yêu cầu ông Mười L trả cho bà 16.000.000đ.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm đạo đức, không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

+ Sửa án sơ thẩm. Ông Mười L phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử ngày 22/9/2017. Ngày 03/10/2017 ông Nguyễn Văn Mười L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Mười L còn trong hạn luật định, ông Mười L nộp tạm ứng án phí đầy đủ. Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn Mười L và bà Trương Thị Kim C đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau: Bà Trương Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười L trả cho bà 16.000.000đ, bà C đồng ý trả cho ông Mười L 11.300.000đ. Ông Nguyễn Văn Mười L đồng ý trả cho bà C 16.000.000đ và ông Nguyễn Văn Mười L yêu cầu bà C trả cho ông số tiền là 11.300.000đ. Về án phí: Bà C và ông Mười L đồng ý nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Nên bà C phải nộp 565.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Mười L phải nộp 800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Mười L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền phải trả thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất do chậm trả theo quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Mười L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn Mười L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0010344 ngày 03/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Vĩnh Long. Số tiền này được trừ vào tiền án phí, nên ông Mười L không phải nộp tiếp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- TNV: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- TAND H D: 01b;
- VKSND H D: 01b;
- CCTHADS H D: 01b;
- Các đương sự: 03b;
- Lưu: 04b./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc